



Trung tâm Tin học và
Thống kê

Cục Chế biến và Phát triển
thị trường nông sản

Viện Chính sách và Chiến lược
Phát triển nông nghiệp nông thôn

THÔNG TIN THAM KHẢO ĐỊNH KỲ VỀ THỊ TRƯỜNG NÔNG SẢN THÁNG 4/2020

1 Kim ngạch xuất khẩu nông lâm thủy sản tháng 4/2020 ước đạt 2,89 tỷ USD, đưa tổng giá trị xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2020 đạt 12,04 tỷ USD, giảm 4% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị xuất khẩu các mặt hàng nông sản chính ước đạt 5,77 tỷ USD, giảm 4,5%; giá trị xuất khẩu thủy sản ước đạt 2,18 tỷ USD, giảm 10%; giá trị xuất khẩu chăn nuôi ước đạt 150 triệu USD, giảm 23,8%; giá trị xuất khẩu các mặt hàng lâm sản chính ước đạt 3,42 tỷ USD, tăng 3,9%. Đối với nhập khẩu, giá trị nhập khẩu nông, lâm, thủy sản tháng 4 năm 2020 ước đạt 2,5 tỷ USD, đưa tổng giá trị nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2020 đạt gần 9,2 tỷ USD, giảm 5,2% so với cùng kỳ năm 2019. Trong đó, giá trị nhập khẩu các mặt hàng nông lâm thủy sản chính ước đạt khoảng 7,4 tỷ USD, giảm 9,1% so với cùng kỳ năm 2019.

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG MỘT SỐ NÔNG SẢN CHỦ LỰC

1. Lúa gạo:

Tính đến ngày 15/4/2020, khối lượng gạo xuất khẩu đạt 1,57 triệu tấn, trị giá 721,1 triệu USD, giảm 8,6% về lượng và 2,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Ước tính khối lượng gạo xuất khẩu tháng 4/2020 đạt 400 nghìn tấn với giá trị 185 triệu USD, đưa tổng khối lượng gạo và giá trị xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2020 đạt 1,92 triệu tấn và 886 triệu USD, giảm 7,9% về khối lượng và giảm 0,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Tính riêng trong 3 tháng đầu năm 2020, Philippines đứng vị trí thứ nhất về thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam với 36,7% thị phần, sản lượng đạt 594,2 nghìn tấn (tăng 8,2%), giá trị đạt 257,2 triệu USD (tăng 19,1%) so với cùng kỳ. Các thị trường khác cũng có giá trị xuất khẩu gạo tăng mạnh là Trung Quốc (gấp 4,37 lần), Đài Loan (gấp 2,79 lần) và Indonesia (tăng 92,1%); thị trường có giá trị xuất khẩu gạo giảm mạnh

nhất là Bờ Biển Ngà (giảm 70,7%). Giá gạo xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2020 đạt 461,9 USD/tấn, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2019.

Về chủng loại xuất khẩu, trong Quý I/2020, giá trị xuất khẩu gạo trắng chiếm 43,0% tổng kim ngạch; gạo jasmine và gạo thơm chiếm 34,9%; gạo nếp chiếm 16,5%; gạo japonica và gạo giống Nhật chiếm 5,4%. Các thị trường xuất khẩu gạo trắng lớn nhất của Việt Nam là Philippines (với 211,4 triệu USD, chiếm 59,4%), Malaysia (với 56,4 triệu USD, chiếm 15,9%) và Papua New Guinea (với 10,8 triệu USD, chiếm 3,0%). Đối với gạo jasmine và gạo thơm, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Philippines (với 68,5 triệu USD, chiếm 23,7%), Ghana (với 44,5 triệu USD, chiếm 15,4%) và Gabon (với 42,7 triệu USD, chiếm 14,8%). Với gạo nếp, thị trường xuất khẩu lớn nhất là Trung Quốc (với 87,7 triệu USD, chiếm 64,3%), Philippines (với 19,5 triệu USD, chiếm 14,3%) và Malaysia (với 11,8 triệu USD, chiếm 8,6%). Với gạo japonica và gạo giống Nhật, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam là Kiribati (với 20,3 triệu USD, chiếm 45,6%), Đảo quốc Solomon (với 4,6 triệu USD, chiếm 10,4%) và Philippines (với 3,5 triệu USD, chiếm 7,8%).

2

Trên thị trường thế giới, giá gạo xuất khẩu Ấn Độ vào giữa tháng 4/2020 đã tăng lên mức cao nhất 8 tháng, khi các thương nhân bắt đầu tiến hành ký kết hợp đồng mới sau gần ba tuần gián đoạn vì lo ngại dù ký kết hợp đồng vẫn không thể giao hàng đúng hạn do lệnh phong tỏa bởi dịch Covid - 19. Gạo 5% tấm của Ấn Độ đạt mức 375 - 380 USD/tấn, mức cao nhất kể từ tuần đầu tiên của tháng 8/2019, cao hơn đáng kể so với 361 - 365 USD/tấn được niêm yết vào tháng trước. Trong khi đó, với tình hình thời tiết có mưa đã thuận lợi hơn giúp cho giá gạo tiêu chuẩn 5% tấm của Thái Lan vào gần cuối tháng 4/2020 giảm xuống còn 530 - 538 USD/tấn, thấp hơn so với mức cao nhất đạt được trong tháng 4 là 555 - 580 USD/tấn - đây cũng là mức cao nhất kể từ tháng 4/2013.

Tại thị trường trong nước, giá lúa tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nhìn chung có xu hướng tăng trong tháng 4/2020, đặc biệt là các loại lúa thường. Tại một số địa phương, các thương nhân thu gom nhiều loại lúa thường để chế biến thành gạo trắng xuất khẩu và dự trữ, do đó đã khiến giá tăng lên mạnh, đặc biệt là ngay sau khi Chính phủ cho phép xuất khẩu vào đầu tháng 4/2020. Tại An Giang, lúa IR50404 tăng 100 đ/kg lên 5.500 đ/kg; lúa OM 5451 tăng 100 đ/kg lên mức 5.700 đ/kg; lúa OM 6976 giữ ở mức 5.600 đ/kg. Tại Bạc Liêu, lúa Đài Thơm 8 giảm 100 đ/kg xuống còn 5.800 - 5.900 đ/kg; lúa OM 5451 giảm 100 đ/kg xuống còn 5.500 - 5.600 đ/kg. Tại Kiên Giang, lúa IR50404 tăng 300 đ/kg lên mức 5.700 - 5.800 đ/kg; lúa OM 4218 tăng 500 đ/kg lên mức 6.600 - 6.800 đ/kg; lúa OM 6976 tăng 300 đ/kg lên mức 6.600 - 6.700 đ/kg.

Một số nhận định và dự báo: (1) Theo dự báo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Mỹ, sản lượng gạo của thế giới năm 2020 ước đạt 496,1 triệu tấn, giảm khoảng 0,6% so với năm 2019. Tiêu dùng gạo thế giới năm 2019 đạt 490,2 triệu tấn, tăng khoảng 0,9% so với năm 2019; (2) Theo thông tin từ Hiệp hội Lương thực Việt Nam, nhằm ứng phó với tác động của dịch Covid-19, Indonesia có kế hoạch thu mua khoảng 950.000 tấn gạo trong dân nhằm duy trì tồn kho ở mức 1-1,5 triệu tấn. Trong khi đó, Trung Quốc đang nỗ lực gia tăng sản lượng nông nghiệp nội địa khi khuyến khích trồng trở lại 2 vụ lúa/năm; (3) Giá gạo hiện nay tăng tại hầu khắp các thị trường, tuy nhiên cần lưu ý tồn kho trong dân tại khu vực Châu Á tăng có thể tác động đến nhu cầu trong thời gian tới.

2. Rau quả

Giá trị xuất khẩu rau quả tính đến ngày 15/4/2020 đạt 1,1 tỉ USD, giảm 8,2% so với cùng kỳ năm 2019. Ước tính, giá trị xuất khẩu rau quả tháng 4 năm 2020 đạt 367 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu rau quả 4 tháng đầu năm 2020 ước đạt 1,26 tỷ USD, giảm 10,3% so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc là thị trường xuất khẩu đứng vị trí thứ nhất của rau quả của Việt Nam nhưng có giảm giá trị trong 3 tháng đầu năm 2020 với 59,1% thị phần và giá trị đạt 680 triệu USD (giảm 22,7% so với cùng kỳ). Trong khi đó, hầu hết các thị trường còn lại đều có giá trị xuất khẩu tăng như: Thái Lan đạt 50,5 triệu USD (chiếm 5,7% thị phần, tăng 308,8%); Hàn Quốc đạt 41,6 triệu USD (chiếm 4,7%, tăng 33%); Hoa Kỳ đạt 35,8 triệu USD (chiếm 4%, tăng 12,8%), Nhật Bản đạt 35,6 triệu USD (chiếm 4%, tăng 26%); Hà Lan đạt 18,6 triệu USD (chiếm 2,1%, tăng 11,6%); Đài Loan đạt 15,6 triệu USD (chiếm 1,7%, tăng 97,3%), Nga đạt 14,4 triệu USD (chiếm 1,6%, tăng 220,1%); ...

Nếu xét theo các mặt hàng chính, nguyên nhân giảm kim ngạch xuất khẩu là do một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu giảm tính đến hết tháng 3/2020 như: dưa hấu đạt 24,8 triệu USD (chiếm 2,8%, giảm 32,4%); nhãn đạt 16,7 triệu USD (chiếm 1,8%, giảm 81%); sầu riêng đạt 14,1 triệu USD (chiếm 1,6%, giảm 74,8%); nấm hương đạt 3,3 triệu USD (chiếm 0,4%, giảm 84,6%);...

Giá trị nhập khẩu mặt hàng rau quả tháng 4/2020 ước đạt 83 triệu USD, đưa tổng giá trị mặt hàng rau quả nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2020 đạt 375 triệu USD, giảm 42,3% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Ôxtrâyli, Mianma và Nam Phi là các thị trường cung cấp rau quả nhập khẩu lớn nhất cho Việt Nam, chiếm 67,2% thị phần.

Về giá cả tại thị trường trong nước trong tháng 4/2020: Đối với trái cây, diễn biến thị trường thay đổi tùy theo từng loại trái cây. Hiện là thời điểm tỉnh miền Tây thu hoạch rộ xoài, trong khi tình hình tiêu thụ khó khăn do ảnh hưởng bệnh Covid-19, giá xoài giảm sâu. Tại Đồng Tháp, giá tại ruộng của loại xoài Cát Chu là 3.500 - 4.500 đ/kg, xoài

cát Hòa Lộc 15.000 - 17.000 đ/kg. Tuy nhiên, đối với mặt hàng dưa hấu tại một số tỉnh miền Trung như Quảng Nam, giá cải thiện so với thời điểm đầu mùa. Với giá bán đầu vụ là 4.000 đồng mỗi kg, hiện nay lên 7.000 đ/kg. Theo người dân địa phương, năm nay nắng nóng nhiều, mưa ít phù hợp cho cây dưa hấu phát triển, sâu bệnh ít nên cho quả to, đều đẹp. Tương tự, giá sầu riêng có xu hướng tăng lên mức 65.000 - 75.000 đ/kg, gấp đôi so với tháng 2. Hạn mặn khiến sầu riêng các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long thiệt hại nặng nề, nên sản lượng sầu riêng năm nay dự báo giảm mạnh, giá bán ra đang ở mức cao. Tương tự với Bình Phước, Tiền Giang, giá sầu riêng tại các vùng Đăk Lăk, Lâm Đồng cũng đang tăng 5.000 - 10.000 đ/kg so với tháng trước, lên 65.000 đ/kg. Về rau củ, giá nhiều mặt hàng rau củ tại Đà Lạt, Lâm Đồng biến động không đổi so với tuần trước do nguồn cung tương đối ổn định trong khi nhu cầu không biến chuyển chủ yếu phục vụ thị trường trong nước, thị trường xuất khẩu còn hạn chế do dịch bệnh diễn biến phức tạp.

4

Một số nhận định và dự báo: (1) Mùa thu hoạch vải Trung Quốc (theo thứ tự là đảo Hải Nam, Quảng Đông, Quảng Tây...) thường bắt đầu từ cuối tháng 4 và kết thúc vào cuối tháng 8, trong đó chính vụ với 70% lượng vải tươi được thu hoạch từ trung tuần tháng 6 đến cuối tháng 7, không lệch quá nhiều so với vải thiều Việt Nam. Năm nay, do thời tiết thuận lợi hơn vụ vải năm ngoái nên sản lượng dự báo sẽ trở lại bình thường, nguồn cung do đó dự báo sẽ tăng lên. Theo số liệu của Hiệp hội vải thiều Quảng Đông, 99% lượng vải tươi của Trung Quốc được bán tại nội địa và chỉ khoảng 1% vải tươi được xuất khẩu, trong đó, 65% được xuất khẩu từ Quảng Đông, 30% lượng này từ Hải Nam; (2) Nửa đầu tháng 4/2020, do dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, phía Trung Quốc đã thực hiện nhiều biện pháp kiểm soát, tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh đối với các lái xe từ Việt Nam sang giao nhận hàng hóa và điều chỉnh thời gian thông quan đối với hoạt động trao đổi cư dân biên giới (làm việc 5 tiếng/ngày và nghỉ ngày lễ, cuối tuần) dẫn đến việc nhiều xe hàng bị ách tắc tại cửa khẩu, trong đó chủ yếu là trái cây và nông sản. Bằng nhiều nỗ lực của các cấp bộ ngành và các địa phương biên giới, phía Trung Quốc thông báo sẽ chỉ đạo lực lượng hải quan và chính quyền địa phương có biện pháp giảm áp lực thông quan tại cặp cửa khẩu Tân Thanh (Lạng Sơn) – Pò Chài (Quảng Tây). Cụ thể, thời gian làm thủ tục thông quan sẽ khôi phục lại như trước đó, buổi sáng bắt đầu từ 08:00 đến 11:00, buổi chiều từ 12:00 đến 16:00 (giờ Việt Nam), hoạt động thông quan tại khu vực trên vào ngày nghỉ cuối tuần cũng được nối lại. Các mặt hàng quả tươi có nguồn gốc Thái Lan có thể xuất khẩu qua đường sắt để giảm tải ách tắc tại cửa khẩu Hữu Nghị. Tuy nhiên, để hạn chế rủi ro trong thông quan xuất khẩu sang Trung Quốc, UBND các tỉnh cần hướng dẫn doanh nghiệp và người dân thực hiện nghiêm túc Công văn số 2487/BNN-CBTTNS ngày 9/4/2020 của Bộ Nông nghiệp

và Phát triển nông thôn về việc tình hình xuất khẩu nông sản tại các cửa khẩu biên giới Việt – Trung và các khuyến cáo cập nhật định kỳ của tỉnh Lạng Sơn về việc đưa hàng nông sản lên biên giới; (3) Sang tháng 5, việc xuất khẩu dự kiến được phục hồi do cơ chế làm việc tại cửa khẩu đã được điều chỉnh, thuận lợi cho xuất khẩu.

3. Sản

Xuất khẩu sản và các sản phẩm từ sản tháng 4 năm 2020 ước đạt 253 nghìn tấn với giá trị 90 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2020 ước đạt 1,02 triệu tấn tương đương với 349 triệu USD; tăng 11,5% về khối lượng và giảm 0,01% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá xuất khẩu sản và sản phẩm sản bình quân 4 tháng đầu năm 2020 ước đạt 342 USD/tấn, giảm 11% so với cùng kì năm trước.

Xét về cơ cấu sản phẩm, trong 4 tháng đầu năm 2020 xuất khẩu sản lát ước đạt 294 nghìn tấn, tương đương 65 triệu USD, tăng 48% về lượng và 63% về giá trị so với cùng kì năm trước. Giá xuất khẩu sản lát bình quân 4 tháng ở mức 221 USD/tấn, tăng 10% so với cùng kì năm trước. Về mặt hàng tinh bột sản, xuất khẩu ước đạt 727 nghìn tấn với giá trị 284 triệu USD, tương đương tăng 1% về lượng và giảm 9% về giá trị so với cùng kì năm 2019. Giá xuất khẩu bình quân tinh bột sản vẫn tiếp tục giảm do tác động của dịch Covid-19, đạt 391 USD/tấn, giảm 10% so với cùng kì năm trước.

5

Xét về cơ cấu thị trường, Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu chủ lực trong tháng 3 và 3 tháng đầu năm 2020 khi chiếm 91% thị phần xuất khẩu của Việt Nam. Trung Quốc hiện đang kiểm soát tốt dịch bệnh Covid-19 nên tình hình giao thương giữa hai nước cũng trở nên thuận lợi hơn. Cụ thể tổng sản lượng xuất khẩu sản và sản phẩm sản sang Trung Quốc 3 tháng đầu năm 2020 đạt 704 nghìn tấn, tương đương với 235 triệu USD, tăng 17% về sản lượng và tăng 4% về giá trị so với cùng kì năm 2019. Malaysia và Đài Loan cũng tăng mạnh nhập khẩu sản và sản phẩm sản của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm nay, cụ thể xuất khẩu sang Malaysia đạt 13 nghìn tấn tương đương 5,6 triệu USD, tăng 110,2% về sản lượng và 102% về giá trị so với cùng kì năm 2019. Xuất khẩu sang Đài Loan đạt 11 nghìn tấn với giá trị 4,5 triệu USD, tăng 60% về lượng và 46% về giá trị so với cùng kì năm ngoái.

Mặt hàng sản lát đang có nhiều cơ hội khi phía Trung Quốc đang nỗ lực phục hồi ngành chăn nuôi lợn sau đại dịch ASF dẫn đến nhu cầu thức ăn chăn nuôi tăng cao. Giá xuất khẩu sản lát vẫn đang tiếp tục tăng do khan hiếm nguồn cung trong nước của Trung Quốc trước bối cảnh bệnh khảm lá sản tiếp tục bùng phát, lây lan trên diện rộng, nguy cơ sản lượng sản năm nay có thể sẽ giảm khi nhiều diện tích bị mất trắng. Với sự suy yếu của dịch Covid-19 tại quốc gia này, công suất sản xuất của nhà máy thức ăn chăn nuôi đã đạt gần 80% so với mức bình thường vào cuối tháng 2/2020.

Một số nhận định và dự báo: (1) Xuất khẩu sản và sản phẩm từ sản của Việt Nam trong ngắn hạn sẽ ổn định hơn so với hồi đầu năm do tình hình dịch bệnh Covid-19 đang được kiểm soát tốt; (2) Tình trạng phong tỏa ở nhiều khu vực trên thế giới đã cản trở nỗ lực phục hồi kinh tế của Trung Quốc trong đó có ngành công nghiệp thức ăn chăn nuôi, sản xuất xăng sinh học và công nghiệp thực phẩm có sử dụng sản và sản phẩm từ sản làm nguyên liệu đầu vào. Ngoài ra, lượng cầu liên tục suy giảm do các nước phương Tây đang dồn toàn lực đối phó với dịch bệnh thay vì phát triển kinh tế cũng gây ra những khó khăn đáng kể đối với kinh tế Trung Quốc.

4. Cà phê

Xuất khẩu cà phê tháng 4 năm 2020 ước đạt 165 nghìn tấn với giá trị đạt 272 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu cà phê 4 tháng đầu năm 2020 đạt 654 nghìn tấn và 1,11 tỷ USD, tăng 3,7% về khối lượng và tăng 1,5% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Đức, Ý và Mỹ tiếp tục là ba thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2020 với thị phần lần lượt là 16% (133,7 triệu USD), 8,6% (72,2 triệu USD) và 8,5% (70,7 triệu USD). Lũy kế giá trị xuất khẩu cà phê tăng mạnh tại các thị trường: Ba Lan (đạt 13 triệu USD, tăng 82,1%), Đức (đạt 133,7 triệu USD, tăng 25,8%), Angieri (đạt 32,7 triệu USD, tăng 21,6%) và Nhật Bản (đạt 52,3 triệu USD, tăng 11,2%). Giá cà phê xuất khẩu bình quân 4 tháng đầu năm 2020 đạt 1.648 USD/tấn, giảm 2,1% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong tháng 4/2020, giá cà phê thế giới biến động giảm. Cụ thể, giá xuất khẩu bình quân tháng 4 đạt 1.648 USD/tấn, giảm 5% so với tháng 3/2020, và giảm 2,9% so với cùng kỳ năm 2019. Tại sàn giao dịch New York sau nhiều phiên tăng liên tiếp, cà phê Arabica kỳ hạn giao tháng 5/2020 giảm mạnh, giao dịch ở mức 2.448 USD/tấn, giảm 5,27% so với tháng trước. Giá cà phê Robusta giao tháng 5/2020 thị trường London giảm 102 USD/tấn xuống còn 1.084 USD/tấn. Giá cà phê giảm do tiêu thụ cà phê toàn cầu giảm dưới tác động của đại dịch Covid-19 và sức ép bán hàng vụ mới từ Brazil. Giá cà phê cũng chịu ảnh hưởng lớn từ biến động tỷ giá của đồng Real của Brazil (Brl), sự mất giá của đồng nội tệ Brazil tạo ra sức cạnh tranh cho các nhà xuất khẩu nước này trên thị trường cà phê thế giới đồng thời gây sức ép lên giá cà phê toàn cầu. Bên cạnh đó, giá dầu sụt giảm khiến các nhà đầu tư tiếp tục bán tháo làm giá giảm sâu trên khắp các thị trường hàng hóa.

Giá cà phê trong nước biến động giảm cùng xu hướng thị trường thế giới. So với tháng 3/2020, giá cà phê vối nhân xô các tỉnh Tây Nguyên giảm 600 – 800 đ/kg xuống mức 28.400 – 28.900 đ/kg. Sau thời gian dài giảm giá kỷ lục thì trong những ngày cuối tháng 4, việc Chính phủ nói lỏng “giãn cách xã hội” giúp giá cà phê trong nước có nhiều

tín hiệu tích cực. Giá tăng trở lại quanh mức 29.200-29.900 đ/kg, theo đó, giá cà phê cao nhất tại khu vực tỉnh Đắk Lắk và giá thấp nhất tại khu vực tỉnh Lâm Đồng.

Một số nhận định và dự báo: (1) Theo dự báo của Tổ chức Cà phê thế giới (ICO), lượng tiêu thụ cà phê thế giới năm 2020 sẽ giảm tầm 0,95% do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Mặc dù cà phê thế giới niên vụ 2019/2020 ước thặng dư khoảng 8 triệu bao, tương đương 480 nghìn tấn, nhưng lượng tồn kho thế giới đang giảm xuống đáng kể. Tồn kho cà phê Arabica giảm xuống mức thấp nhất chỉ còn 1.848 triệu bao, tương đương 110 nghìn tấn, tồn kho cà phê Robusta giảm còn 138 nghìn tấn. Thông tin một số nước tiêu thụ lớn như Mỹ hay tại Châu Âu muốn ngừng lệnh “giãn cách xã hội” cũng tạo động lực cho các nhà nhập khẩu tăng cường trở lại; (2) Sức ép bán hàng vụ mới gia tăng mạnh từ nhà sản xuất hàng đầu Brazil làm giá cà phê thế giới cũng như cà phê trong nước sẽ còn trì trệ kéo dài cho tới hết niên vụ cà phê 2019/2020 bởi đại dịch Covid-19 vẫn đang làm nền kinh tế toàn cầu tiếp tục suy thoái.

5. Chè

7 Khối lượng xuất khẩu chè tháng 4 năm 2020 ước đạt 9 nghìn tấn với giá trị đạt 14 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu chè 4 tháng đầu năm 2020 đạt 35 nghìn tấn và 53 triệu USD, giảm 2,3% về khối lượng và giảm 14,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Giá chè xuất khẩu bình quân tháng 3 năm 2020 đạt 1.457 USD/tấn, giảm 16,1% so với cùng kỳ năm 2019.

Các biện pháp hạn chế nhằm giảm tác động từ dịch Covid-19 tại Việt Nam và các nước tiêu dùng chè đã ảnh hưởng đáng kể đến xuất khẩu chè của Việt Nam, đặc biệt là xuất khẩu chè sang Trung Quốc. Sự bùng phát của dịch Covid-19 không chỉ gây ảnh hưởng đến việc thông quan hàng hóa mà còn làm giảm nhu cầu chè tại thị trường Trung Quốc. Kênh phân phối chè của Trung Quốc đã chịu nhiều tổn thất, do thiếu nhân lực, hạn chế trong khâu vận chuyển và việc buộc đóng cửa các cửa hàng truyền thống đã làm giảm nhu cầu của người mua¹. Tính chung 3 tháng đầu năm 2020, tổng xuất khẩu chè sang Trung Quốc đạt 763 tấn, tương đương 1.008 nghìn USD, giảm 46% về khối lượng và giảm 82,2% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019.

Trên thị trường thế giới, lệnh giới nghiêm ở các nước sản xuất lớn như Ấn Độ, Kenya, Sri Lanka do Covid-19 đang tác động tiêu cực đến nguồn cung chè toàn cầu, sản xuất bị ngưng trệ trong khi các thương nhân vẫn cố hàng dự trữ để tránh sự gián đoạn. Nguồn cung thắt chặt, nhu cầu tăng mạnh khiến giá chè cũng tăng lên. Giá chè giao ngay tại các phiên đấu giá trong tháng 4 tại Mombasa, Kenya đạt trung bình 4,33 USD/kg, tăng 1,4% so với tháng trước.

¹ Trích thông tin từ Hiệp hội chè Việt Nam ngày 17/4/2020

Khó khăn trong xuất khẩu đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc mua nguyên liệu mới và duy trì cơ sở sản xuất của các doanh nghiệp chè Việt Nam. Nhu cầu giảm khiến giá chè nguyên liệu cũng có xu hướng giảm. Cụ thể, tại Thái Nguyên, giá chè cành chất lượng cao trong tháng 4 đã giảm 20.000 đ/kg so với tháng trước, xuống còn 200.000 đ/kg; trong khi đó, chè xanh búp khô giữ ở mức 100.000 đ/kg trong tháng 3 và tháng 4 nhưng giảm 5.000 đ/kg so với 2 tháng đầu năm; tương tự giá chè xanh búp khô (đã sơ chế loại 1) cũng chững ở mức 130.000 đ/kg trong tháng 3 và tháng 4 nhưng giảm 10.000 đ/kg so với 2 tháng đầu năm.

Dịch Covid-19 không chỉ ảnh hưởng đến xuất khẩu mà còn ảnh hưởng đến sản xuất chè tại Việt Nam. Ngoài ra, do biến đổi khí hậu, sản xuất vụ chè xuân 2020 ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước giảm đáng kể. Các tỉnh miền núi phía Bắc còn chịu sự tác động của các trận mưa đá và hạn hán, khiến búp chè bị hư hại, làm giảm sản lượng thu hoạch từ 20 đến 30% so với năm trước. Riêng chỉ có hai tỉnh miền Trung là Nghệ An và Hà Tĩnh là sản lượng vẫn tăng 10%.

Một số nhận định và dự báo: (1) Trong thời gian tới, xuất khẩu chè dự kiến sẽ khả quan hơn khi các thị trường xuất khẩu lớn của chè Việt Nam như Đài Loan, Trung Quốc đang dần hồi phục nền kinh tế sau dịch bệnh; (2) Việc suy giảm nguồn cung sản xuất tại các đối thủ cạnh tranh của Việt Nam như Ấn Độ, Sri Lanka cũng tạo ra cơ hội tốt cho Việt Nam thúc đẩy xuất khẩu chè sang nhiều thị trường.

6. Tiêu

Khối lượng tiêu xuất khẩu tháng 4 năm 2020 ước đạt 36 nghìn tấn, với giá trị đạt 73 triệu USD, đưa khối lượng và giá trị xuất khẩu tiêu 4 tháng đầu năm 2020 đạt 117 nghìn tấn và 249 triệu USD, tăng 8,3% về khối lượng nhưng giảm 12% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Năm thị trường xuất khẩu tiêu lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2020 lần lượt là Hoa Kỳ, Ấn Độ, Myanmar, Pakistan và Đức với 39,2% thị phần. Giá tiêu xuất khẩu bình quân 3 tháng năm 2020 đạt 2.185 USD/tấn, giảm 18,2% so với cùng kỳ năm 2019.

Đáng chú ý, xuất khẩu tiêu sang Ấn Độ giảm mạnh so với năm 2019. Trong 3 tháng đầu năm 2020, xuất khẩu tiêu sang Ấn Độ đạt 4,8 nghìn tấn, tương đương 10,4 triệu USD, giảm 36,3% về khối lượng và giảm 45% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Thị phần của Ấn Độ trong tổng giá trị xuất khẩu tiêu của Việt Nam theo đó cũng giảm đáng kể từ mức 9,9%² xuống còn 5,9%³. Ấn Độ chủ yếu nhập khẩu tiêu từ các nước sản xuất khác để phục vụ nhu cầu chế biến và tái xuất, đặc biệt là chế biến các mặt hàng có

² Tính trong 3 tháng đầu năm 2019

³ Tính trong 3 tháng đầu năm 2020

giá trị gia tăng cao như dầu và oleoresin, sau đó xuất khẩu sang các thị trường lớn như EU và Mỹ. Trong tháng 3 và tháng 4, dịch Covid-19 đã tác động mạnh đến nguồn hàng của Ấn Độ cũng như nhu cầu nhập khẩu của các nước tiêu dùng, khiến cho xuất khẩu tiêu của Ấn Độ giảm, nhập khẩu cũng giảm theo. Thêm vào đó, lệnh phong tỏa toàn quốc từ nửa cuối tháng 3 của Ấn Độ đã ảnh hưởng đáng kể đến tiến độ xuất nhập khẩu của nước này nói chung và ngành hàng tiêu nói riêng.

Trên thị trường thế giới, giá tiêu trong tháng 4/2020 biến động không đồng nhất giữa các thị trường. Giá tiêu đen giao tại cảng của Brazil và Malaysia đều giữ ổn định, trong khi giá tại Ấn Độ có xu hướng giảm. Ngược lại, giá tiêu của Việt Nam và Indonesia lại có xu hướng tăng. Cụ thể, giá tiêu tại cảng Brazil giữ ở mức 2.000 USD/tấn, tại Kuching (Malaysia) giữ mức 3.685 USD/tấn. Trong khi đó, giá tiêu tại cảng Kochi (Ấn Độ) giảm từ mức 4.484 USD/tấn xuống còn 4.387 USD/tấn. Tại cảng Hồ Chí Minh của Việt Nam, giá tiêu đen trung bình tăng từ 1.995 USD/tấn lên 2.145 USD/tấn và giá tiêu đen tại cảng Lampung (Indonesia) đã tăng từ 1.813 USD/tấn lên 1.995 USD/tấn⁴. Giá tiêu Ấn Độ ở mức thấp do sản lượng năm 2020 cao hơn nhờ điều kiện thời tiết thuận lợi tại Kerala - một trong những vùng trồng tiêu chính của Ấn Độ.

9

Tại thị trường trong nước, giá hạt tiêu có xu hướng tăng trong tháng 4/2020. Trong đó, giá tiêu tại Bà Rịa Vũng Tàu và Đồng Nai tăng 1.500 đ/kg lên mức 37.000 - 39.000 đ/kg; tại Đắk Lắk, Đắk Nông và Bình Phước tăng 1.000 đ/kg lên mức 37.500 đ/kg; tại Gia Lai tăng 2.500 đ/kg lên 37.000 đ/kg.

Một số nhận định và dự báo: (1) Trong thời gian tới, thị trường hồ tiêu toàn cầu được dự báo sẽ còn khó khăn do vẫn chịu tác động kép từ áp lực dư cung và ảnh hưởng tiêu cực của dịch Covid-19; (2) Nguồn cung hồ tiêu đang tiếp tục được bổ sung khi Việt Nam đang trong vụ thu hoạch và đã thu hoạch được trên 50%. Năm 2020, nguồn cung hồ tiêu của Việt Nam dự kiến sẽ đạt khoảng 350.000 tấn hồ tiêu, trong đó có khoảng 90.000 tấn là tồn kho năm 2019 chuyển sang; (3) Nhu cầu hồ tiêu tại nhiều thị trường vẫn còn yếu do tác động từ việc giãn cách xã hội và tạm dừng hoạt động các dịch vụ kinh doanh ăn uống để ngăn chặn dịch Covid-19, đặc biệt là tại Mỹ và EU – hai thị trường tiêu thụ hồ tiêu lớn nhất thế giới.

7. Điều

Trong tháng 04/2020, khối lượng điều nhân Việt Nam xuất khẩu ước đạt 43 nghìn tấn với giá trị 281 triệu USD, đưa khối lượng xuất khẩu hạt điều 4 tháng đầu năm 2020 đạt 137 nghìn tấn và 948 triệu USD, tăng 19,4% về khối lượng và tăng 4,2% về giá trị

⁴ Các mức giá được so sánh tại thời điểm 1/4/2020 so với 27/4/2020. Số liệu về giá được tổng hợp từ Hiệp hội hồ tiêu quốc tế (IPC).

so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Hà Lan và Trung Quốc vẫn duy trì là 3 thị trường nhập khẩu điều lớn nhất của Việt Nam chiếm thị phần lần lượt là 36,8%, 11,9% và 6,9% tổng giá trị xuất khẩu hạt điều. Giá trị xuất khẩu điều tăng mạnh nhất tại thị trường Saudi Arabia gấp 2,4 lần, ngược lại thị trường có giá trị xuất khẩu điều giảm mạnh nhất tại thị trường Trung Quốc giảm 46,7%. Giá hạt điều xuất khẩu bình quân 3 tháng đầu năm 2020 đạt 7.044 USD/tấn, giảm 12,5% so với cùng kỳ năm 2019.

Khối lượng điều thô nhập khẩu trong tháng 04/2020 ước đạt 105 nghìn tấn với giá trị đạt 132 triệu USD, đưa tổng khối lượng và giá trị nhập khẩu hạt điều 4 tháng đầu năm 2020 đạt 293 nghìn tấn và 413 triệu USD, tăng 3,2% về khối lượng nhưng giảm 13,9% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Thị trường nhập khẩu hạt điều chính trong tháng 4 năm 2020 là Campuchia, Tanzania, Indonexia, Bờ Biển Ngà và Nigeria. Nhập khẩu hạt điều từ thị trường Tanzania và Indonexia tăng trong tháng 3/2020, trong đó nhập khẩu từ Indonexia tăng 70,4% về lượng và 48,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Các thị trường như Bờ Biển Ngà, Nigeria và Campuchia đều sụt giảm về xuất khẩu hạt điều sang Việt Nam.

Trong tháng 4/2020, giá điều nguyên liệu trong nước diễn biến tăng so với tháng trước. Cụ thể, điều khô mua xô tại Đắc Lắc giữ ở mức 29.000đ/kg trong suốt tháng; tại Đồng Nai giá điều thô ổn định ở mức 46.000 đ/kg. Tại Bình Phước, giá hạt điều nguyên liệu tăng từ 24.000đ/kg lên 28.000đ/kg.

Trên thị trường thế giới, trong tháng 4 giá điều nhân tăng 330 – 440 USD/tấn đối với mã W320 và mã W240. Tại thị trường Châu Âu giá điều W240 giao động từ 6.944 – 7.275 USD/tấn, giá điều W320 từ 6.062 – 6.618 USD/tấn và giá điều W450 từ 5.511 – 6.062 USD/tấn. Tại thị trường Châu Á, giá điều cho đơn hàng giao vào tháng 5, tháng 6/2020 của mã W180 là 8.700 USD/tấn, mã W210 là 8.200 USD/tấn, mã W240 là 7.800 USD/tấn và mã W320 là 7.300 USD/tấn. Mặt hàng điều cỡ nhỏ mã SP hầu như không bán được vì hiện tại giá điều nhân quá rẻ.

Hiện tại thị trường điều thế giới chịu tác động mạnh của dịch Covid-19. Cụ thể: (1) Tại Ấn Độ, nước tiêu thụ điều lớn nhất thế giới, đang thực hiện chính sách cách ly xã hội đến hết ngày 3/5/2020. Điều này đã gây những tổn thất lớn đến ngành Điều của nước này, khi các nhà máy chế biến bị dán đoạn, thu hoạch điều thô bị chậm. Liên đoàn Công nghiệp điều Ấn Độ cho biết, khoảng 15.000 tấn hạt điều thô đang tồn đọng tại các nhà máy chế biến trên khắp cả nước do lệnh phong tỏa. Bên cạnh đó, lượng tiêu thụ nội địa tại Ấn Độ cũng bị giảm do cách ly dài ngày dẫn đến nhu cầu nhập khẩu điều thô giảm. Điều này sẽ ảnh hưởng tới giá điều thô thế giới khi các nước xuất khẩu điều thô chính đang vào chính vụ. Mặc dù cũng chịu ảnh hưởng của giá điều thô giảm nhưng Việt Nam đang có lợi thế trong xuất khẩu điều nhân khi Ấn Độ thực hiện chính sách

cách ly xã hội, người mua điều nhân trên thế giới dự báo sẽ có xu hướng chuyển sang thu mua điều nhân của Việt Nam; (2) Tại Trung Quốc, đã tăng cường các biện pháp quản lý để phòng chống dịch bệnh tại khu vực cửa khẩu biên giới, bao gồm áp dụng quy trình khử trùng nghiêm ngặt đối với phương tiện vận tải,... Về phía Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đề nghị Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam trao đổi với Tổng cục Hải quan Trung Quốc về việc thiết lập danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu theo "luồng xanh" (chủ yếu là bột sắn, hạt điều, tôm thẻ chân trắng, tôm hùm) được hưởng quy chế ưu tiên miễn kiểm tra để giảm thời gian thông quan qua cửa khẩu, nhằm tạo điều kiện thuận lợi trong xuất khẩu hàng hoá nông sản sang nước này trong thời gian tới; (3) Tại EU, các nhà nhập khẩu đang có nhu cầu cao mua hàng để dự trữ vì lo lắng đại dịch Covid-19 lan rộng ở Châu Phi sẽ ảnh hưởng đến nguồn cung điều thô cho Việt Nam và Ấn Độ.

Một số nhận định và dự báo: Giá xuất khẩu điều nhân của Việt Nam trong ngắn hạn sẽ tăng nhẹ, do các nước phương Tây tăng nhu cầu dự trữ điều, bên cạnh đó Trung Quốc đang dần phục hồi nền kinh tế khi đại dịch Covid-19 được kiểm soát tốt. Tuy nhiên, Hiệp hội Điều Việt Nam vẫn khuyến cáo các doanh nghiệp chế biến điều không nên ký các hợp đồng xa khi chưa mua được điều thô vì sau khi dịch Covid-19 được kiểm soát, giá có thể tăng trở lại, cùng với đó rủi ro sẽ rất cao nếu các nhà chế biến cố gắng mua điều thô từ Châu Phi trong khi không có hợp đồng điều nhân hoặc phương án tính toán để bán lại, khuyến nghị chỉ mua điều thô khi có thể bán điều nhân ngang giá.

8. Cao su

Khối lượng xuất khẩu cao su tháng 4/2020 ước đạt 40 nghìn tấn với giá trị đạt 52 triệu USD, lũy kế xuất khẩu cao su 4 tháng đầu năm 2020 đạt 267 nghìn tấn và 383 triệu USD, giảm 35,4% về khối lượng và giảm 31,1% về giá trị so với cùng kỳ năm 2019. Trung Quốc, Ấn Độ, và Hàn Quốc tiếp tục là 3 thị trường tiêu thụ cao su lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2020, chiếm thị phần lần lượt là 61,3%, 6,5% và 3,7%. Về nhập khẩu, khối lượng nhập khẩu cao su trong tháng 4/2020 ước đạt 63 nghìn tấn với giá trị đạt 93 triệu USD, lũy kế nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2020 đạt 244 nghìn tấn và 377 triệu USD, tăng lần lượt 16,6% và 4,2% với cùng kỳ năm 2019.

Trên thị trường thế giới, giá cao su tại Sở Giao dịch hàng hóa kỳ hạn Tokyo (Tocom) tăng trong tháng 4 do giá dầu hồi phục, thị trường chứng khoán Tokyo tăng. Giá cao su physical trên thị trường châu Á diễn biến tăng cùng chiều với xu thế tăng trên thị trường kỳ hạn. Cụ thể, RSS3 Thái Lan ngày 20/4 ở mức 1,38 USD/kg, tăng 0,05 USD/kg; STR20 Thái Lan ở mức 1,16 USD/kg, tăng 0,05 USD/kg; SMR20 Malaysia ở mức 1,15 USD/kg, tăng 0,11 USD/kg so với ngày 2/4.

Thị trường mủ cao su nguyên liệu trong nước diễn biến ổn định trong tháng 4/2020. Giá mủ tại Đồng Nai tiếp tục không thay đổi ở mức 12.000 đồng/kg. Cây cao su ở Bình Phước vẫn đang trong giai đoạn thay lá, tạm ngừng cạo mủ. Thị trường cao su trong nước vẫn trầm lắng.

Nhu cầu tiêu dùng cao su ở mức thấp do đại dịch Covid-19 khiến ngành sản xuất ô tô gặp nhiều khó khăn và thị trường lo ngại kinh tế thế giới suy thoái. Tập đoàn ô tô Toyota sẽ giảm sản lượng xe thành phẩm 40% tại Nhật Bản trong tháng 5/2020 do nhu cầu toàn cầu giảm bởi đại dịch Covid-19. Tháng 3/2020, doanh số bán ô tô tại Trung Quốc giảm 43,3% so với tháng 3/2019. Sản lượng lốp xe trong quý 1/2020 của Tập đoàn Goodyear Tire & Rubber GT.O giảm 18% và doanh số bán giảm khoảng 17%. Hầu hết các nhà máy tại châu Mỹ, châu Âu và một số nhà máy sản xuất lốp xe tại châu Á- Thái Bình Dương vẫn đóng cửa.

Quý 1/2020, mặc dù nhu cầu cao su toàn cầu ở mức thấp, nhưng thị trường được hỗ trợ bởi sản lượng giảm do cây cao su vào mùa rụng lá. Dự kiến Quý 2/2020 là giai đoạn bắt đầu mùa thu hoạch cao su tại các nước Đông Nam Á, nhu cầu cao su tự nhiên từ các nước tiêu thụ lớn như Trung Quốc, Hoa Kỳ, châu Âu ở mức thấp và giá dầu thô giảm kỷ lục sẽ gây áp lực đối với giá cao su tự nhiên. Bên cạnh đó, theo Hiệp hội các quốc gia sản xuất cao su thiên nhiên (ARNPC), năm 2020, tổng diện tích cao su trưởng thành của các nước thuộc ARNPC dự kiến mở rộng thêm 317.000 ha, khiến dự báo nguồn cung cao su thiên nhiên thế giới tăng 3,8% lên mức 14,2 triệu tấn. Trong khi đó nhu cầu chỉ ở mức 14 triệu tấn, tăng 2,7%.

Một số nhận định và dự báo: Trong ngắn hạn, xuất khẩu cao su của Việt Nam sẽ phải đối mặt với nhiều khó khăn do: (1) Tình hình dịch Covid-19 lan khắp thế giới, mối lo ngại về sự suy thoái toàn cầu đang diễn ra, làm giảm cơ hội mở rộng thị trường của cao su Việt Nam; (2) Ngành sản xuất xe hơi suy giảm, dẫn đến sự đình trệ của sản xuất lốp xe, kéo theo nhu cầu về cao su giảm mạnh; (3) Giá dầu trong xu thế giảm cũng gián tiếp ảnh hưởng đến nhu cầu về cao su của thế giới.

9. Sản phẩm chăn nuôi

Giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi tháng 4 năm 2020 ước đạt 41 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu các sản phẩm chăn nuôi 4 tháng đầu năm 2020 ước đạt 150 triệu USD, giảm 23,8% so với cùng kỳ năm 2019. Năm thị trường xuất khẩu thịt và sản phẩm từ thịt lớn nhất của Việt Nam là Hồng Kông, Trung Quốc, Nhật Bản, Bỉ và Papua New Guinea với giá trị lần lượt là 10,9 triệu USD (giảm 37,5% so với cùng kỳ năm 2019); 5,4 triệu USD (giảm 59,8%); 3,3 triệu USD (tăng 24,2%); 1,4 triệu USD (giảm 34,2%) và 670,5 nghìn USD (giảm 28,5%). So sánh với cùng kỳ năm 2019, giá trị xuất khẩu hầu hết các sản phẩm thịt đều giảm như lợn đông lạnh đạt 8,8 triệu USD, giảm

52,2%; thịt và các phụ phẩm từ thịt chế biến (chân lợn nấu chín, chân gà rút xương, khô gà, ...) đạt 6,1 triệu USD, giảm 12,5%; thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ của gà đông lạnh đạt 3,1 triệu USD, giảm 50,5%; đùi ếch đông lạnh đạt 2,3 triệu USD, giảm 60,8%; ...

Giá trị nhập khẩu chăn nuôi tháng 4/2020 ước đạt 364 triệu USD, đưa giá trị nhập khẩu các sản phẩm chăn nuôi 4 tháng đầu năm 2020 ước đạt 1,36 tỷ USD, tăng 17,6% so với cùng kỳ năm 2019. Trong 3 tháng đầu năm, giá trị nhập khẩu sản phẩm chăn nuôi đạt 999,7 triệu USD, tăng 22,2% so với cùng kỳ năm 2019. 5 thị trường nhập khẩu thịt và sản phẩm từ thịt của Việt Nam là Ôxtrâyliia, Ấn Độ, Hoa Kỳ, Thái Lan và Canada với giá trị lần lượt là 170,4 triệu USD, tăng 94% so với cùng kỳ năm 2019; 79 triệu USD (tăng 158,8%); 78,6 triệu USD (tăng 88,1%); 49,3 triệu USD (tăng 70,5%) và 22,3 triệu USD (cao gấp 14 lần). So sánh với cùng kỳ năm 2019, giá trị nhập khẩu nhiều nhất là trâu, bò sống đạt 204,4 triệu USD (tăng 102,8%); thịt bò đông lạnh đạt 115,9 triệu USD (tăng 88,5%); thịt và phụ phẩm sau giết mổ của gà đông lạnh đạt 79,8 triệu USD (tăng 50,7%); thịt lợn đông lạnh đạt 39,7 triệu USD (tăng 444,5%). Trên thị trường kỳ hạn thế giới, giá lợn nạc giao tháng 5/2020 thị trường Chicago, Mỹ biến động giảm trong tháng qua với mức giảm 5,75 UScent/lb xuống còn 47,225 UScent/lb (tương đương 24.094 đ/kg).

13

Tại thị trường Trung Quốc: (1) Tổng cục Hải quan Trung Quốc (GACC) đã phê chuẩn thêm 7 nhà máy chế biến và 1 kho lạnh tại Thái Lan được phép xuất khẩu thịt gà sang thị trường này. Việc này được kỳ vọng sẽ giúp xuất khẩu thịt gà sang Trung Quốc đạt 364 triệu USD. Đầu năm 2020, GACC đã phê duyệt 15 nhà máy tại Thái Lan để nước này mở rộng xuất khẩu thịt gà sang Trung Quốc khi đại dịch COVID-19 đang gây cản trở việc xuất khẩu tại một số khu vực trên thế giới. Trong năm 2019, xuất khẩu thịt gà của Thái Lan sang Trung Quốc đạt 65,420 tấn; (2) Giá thịt lợn giảm do thị trường vẫn chịu áp lực từ sự gián đoạn gây ra bởi đại dịch Covid-19, khiến các nhà máy chế biến thịt lợn phải đóng cửa. Trong quý 1/2020, sản lượng thịt lợn của Trung Quốc giảm 29,1% so với cùng kỳ năm 2019 xuống còn 10,38 triệu tấn, theo dữ liệu chính thức công bố ngày 17/4, do nước sản xuất thịt lợn lớn nhất thế giới tiếp tục chịu tác động của dịch tả lợn, làm suy giảm mạnh quy mô chăn nuôi lợn. Tổng sản lượng thịt của Trung Quốc trong quý 1/2020, bao gồm thịt lợn, thịt bò, thịt cừu và thịt gia cầm giảm 19,5% xuống còn 18,13 triệu tấn. Sản xuất chăn nuôi gia cầm bị thiệt hại nặng do các biện pháp kìm hãm sự lây lan của virus trong thời gian đỉnh dịch hồi tháng 2.

Trong nước, giá các sản phẩm gia cầm bán tại trại có xu hướng tăng sau khi Chính phủ quyết định dỡ lệnh cách ly xã hội, các hàng quán mở cửa trở lại khiến nhu cầu khởi sắc. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Bắc tăng 8.000 – 10.000 đồng/kg lên 45.000 –

48.000 đ/kg. Giá gà thịt lông màu khu vực miền Trung tăng 1.000 – 5.000 đ/kg lên 38.000 – 42.000 đồng/kg. Giá trứng gà miền Bắc tăng 200 đồng/quả lên 1.400 – 1.500 đ/quả. Giá trứng gà miền Trung tăng 200 – 400 đ/quả lên 1.500 – 1.700 đ/quả. Giá trứng gà miền Đông Nam Bộ tăng 200 đ/quả, hiện ở mức 1.200 – 1.300 đ/quả.

Một số nhận định và dự báo: (1) Trung Quốc chuẩn bị giao dịch hợp đồng lợn sống kỳ hạn tương lai trên Sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên, đây sẽ là thị trường giao dịch lợn sống kỳ hạn tương lai thứ 2 thế giới sau Mỹ. Theo Ủy ban điều tiết Chứng khoán Trung Quốc cho biết, việc đưa lợn sống lên sàn giao dịch sẽ giúp cho các nhà giao dịch mặt hàng này quản lý được rủi ro, đồng thời giúp cho ngành thịt lợn phát triển. Song song đó, giao dịch lợn kỳ hạn cũng sẽ có tác động lên các chuỗi cung ứng liên quan, như thịt lợn, đậu tương... ; (2) Dự báo mới đây từ USDA cho thấy lượng tiêu thụ thịt lợn năm 2020 của Trung Quốc có thể sẽ giảm 16% so với năm 2019 và 30% so với năm 2018. Trên thực tế, giá thịt lợn tăng mạnh là nguyên nhân dẫn đến tiêu thụ thịt lợn tại các thành phố lớn như Bắc Kinh giảm, người tiêu dùng tìm kiếm các sản phẩm khác thay thế. Trung Quốc cũng có chính sách khuyến khích người tiêu dùng tiêu thụ các loại thịt gia súc nhằm cân bằng cung thịt nội địa; (3) Theo số liệu của Cục Thống kê quốc gia Trung Quốc (NBS), sản lượng bò và cừu đã tăng lần lượt 3.2% và 2.3% trong 9 tháng đầu năm 2019. Xu hướng này dự báo sẽ tiếp tục trong năm 2020.

10. Thủy sản

Giá trị xuất khẩu thủy sản tháng 4 năm 2020 ước đạt 563 triệu USD, đưa giá trị xuất khẩu thủy sản 4 tháng đầu năm 2020 đạt 2,18 tỷ USD, giảm 10% so với cùng kỳ năm 2019. Về chủng loại xuất khẩu hết quý 1/2020, tôm là mặt hàng thủy sản xuất khẩu chính đạt 628,56 triệu USD, tăng 1,8% so với cùng kỳ năm trước; cua ghe và giáp xác khác đạt 33,27 triệu USD tăng 33,4%; cá tra đạt 334,06 triệu USD, giảm 29,3%; cá ngừ đạt 146,47 triệu USD, giảm 10,4%; mực và bạch tuộc đạt 107,44 triệu USD giảm 21,1%.

Về thị trường xuất khẩu hết quý 1/2020, Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU, Trung Quốc là 4 thị trường nhập khẩu hàng đầu của thủy sản Việt Nam, chiếm 57,69% tổng giá trị xuất khẩu thủy sản; cụ thể: kim ngạch xuất khẩu thủy sản sang Nhật Bản đạt 313,28 triệu USD, chiếm 19,40% tổng kim ngạch xuất khẩu, tăng 2,18% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ đạt 286,76 triệu USD, chiếm 17,76%, tăng 01,21%; EU đạt 185,68 triệu USD, chiếm 11,50%, giảm 28,27%; Trung Quốc đạt 145,56 triệu USD, chiếm 9,02%, giảm 27,5%. Trong 3 tháng đầu năm 2020, thị trường có giá trị xuất khẩu thủy sản tăng mạnh nhất là thị trường Nga tăng 21,99% đạt 26,41 triệu USD.

Trong khi đó, giá trị nhập khẩu mặt hàng thủy sản tháng 4/2020 ước đạt 136 triệu USD, đưa tổng giá trị thủy sản nhập khẩu 4 tháng đầu năm 2020 đạt 545 triệu USD, giảm 2,9% so với cùng kỳ năm 2019. Nguồn nhập khẩu thủy sản trong 3 tháng đầu năm

2020 chủ yếu là từ Ấn Độ (chiếm tỷ trọng 14,9%), Na Uy (10,9%), Đài Loan (9,1%), Nhật Bản (9%) và Indonexia (8,9%).

Tại thị trường trong nước, thời điểm đầu tháng, giá tôm nguyên liệu tại Bạc Liêu giảm 10.000-20.000 đ/kg tùy cỡ, nhưng đã phục hồi trở lại vào cuối tháng do khan hiếm nguồn cung. Hiện giá tôm thẻ urop đá cỡ 60 con/kg ở mức 100.000 đ/kg, cỡ 70 con/kg 95.000 đ/kg, cỡ 100 con/kg 90.000 đ/kg. Giá tôm sú urop đá cỡ 20 con/kg ở mức 180.000 đ/kg, giảm 10.000 đ/kg so với tháng trước, cỡ 30 con/kg 140.000 đ/kg, cỡ 40 con/kg giảm 15.000 đ/kg đạt 110.000 đ/kg.

Kể từ đầu tháng 4 đến nay, thị trường cá tra nguyên liệu trong nước cụ thể là tại ĐBSCL có xu hướng giao dịch trầm lắng hơn do sự sụt giảm đơn hàng xuất khẩu từ hầu hết các thị trường do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Trung Quốc, thị trường tiêu thụ sản phẩm cá tra lớn nhất của Việt Nam, đến nay vẫn chưa phục hồi hoàn toàn. Giá bán buôn cá tra tại ĐBSCL giảm 500 đ/kg so với tháng trước, ở mức khoảng 18.000 đ/kg đối với cá tra loại I (700-900g/con). Nhu cầu bắt cá nguyên liệu trên thị trường duy trì ở mức thấp. Các công ty lớn hầu như không bắt cá ngoài mà chủ yếu đang bắt trong hệ thống liên kết.

15

Một số nhận định và dự báo: (1) Trên thị trường thế giới, mặc dù dịch COVID-19 bùng phát trong 2 tháng đầu năm 2020 nhưng nhập khẩu tôm của Mỹ tiếp tục tăng trong tháng 2/2020. Nhập khẩu tôm của Mỹ tăng có thể là do một số đơn hàng từ dịp cuối năm bị chậm giao và nhu cầu bổ sung vào kho dự trữ sau khi doanh số bán lẻ tôm tại Mỹ tăng; (2) Tại thị trường các nước thuộc khu vực Địa Trung Hải và Biển Đen, giá các sản phẩm thủy sản sụt giảm từ 20-70% chủ yếu do việc suy giảm do giảm cầu từ khu vực khách sạn, nhà hàng, du lịch. Báo cáo đánh giá của Ủy ban Thủy sản Địa Trung Hải (GFCM) về tác động của dịch bệnh Covid-19 lên ngành thủy sản tại thị trường các nước này cho thấy giá các sản phẩm thủy sản có dấu hiệu phục hồi, ổn định kể từ cuối tháng 3/2020.

11. Gỗ và sản phẩm gỗ

Ước giá trị xuất khẩu gỗ và các sản phẩm gỗ tháng 4/2020 đạt 647 tỷ USD, lũy kế xuất khẩu 4 tháng đầu năm 2020 đạt 3,22 tỷ USD, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm 2019. Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và Hàn Quốc tiếp tục là 4 thị trường nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ lớn nhất của Việt Nam trong 3 tháng đầu năm 2020, chiếm 83,3% tổng giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ. Về nhập khẩu, ước giá trị nhập khẩu tháng 4/2020 đạt 236 triệu USD, đưa tổng giá trị gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu trong 4 tháng đầu năm 2020 đạt 766 triệu USD, giảm 1,3% so với cùng kỳ năm 2019. Tác động của đại dịch Covid-19 đã dần thấy rõ đối với ngành gỗ của Việt Nam.

Về xuất khẩu, tăng trưởng xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam đã có dấu hiệu giảm từ tháng 3 và giảm mạnh trong tháng 4 khi tăng trưởng chỉ đạt 3,5% so với cùng kỳ năm 2019.⁵ Nguyên nhân chính khiến xuất khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam suy giảm tăng trưởng là do lệnh hạn chế đi lại, giãn cách xã hội, tăng cường kiểm tra hàng hóa nhập khẩu tại hầu hết các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam bao gồm Mỹ, EU, Nhật Bản và Trung Quốc. Hiện các quốc gia này hiện đang áp dụng các chính sách mạnh như đóng cửa biên giới, đóng toàn bộ các chuỗi cửa hàng không thiết yếu. Điều này dẫn đến các đứt gãy lớn trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này khiến các nhà nhập khẩu buộc phải tạm ngưng nhập khẩu hoặc giãn cách thời gian giao hàng, kể cả các lô hàng đã hoặc đang trong quá trình sản xuất từ giữa tháng 3. Theo Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam, tính đến hết tháng 4, khoảng 80% các đơn hàng xuất khẩu gỗ bị tạm dừng, các thị trường lớn như Hoa Kỳ, EU đã đóng băng; rất nhiều doanh nghiệp phải tạm dừng hoặc luân chuyển một bộ phận lao động.

Về nhập khẩu, giá trị nhập khẩu gỗ và các sản phẩm từ gỗ của Việt Nam bắt đầu có dấu hiệu chững lại khi kể từ tháng 3 và giảm trong tháng 4. Nguyên nhân chính dẫn đến sự suy giảm này là do các doanh nghiệp trong nước phải tạm ngừng hoạt động khi không thể giao hàng cũng như ký kết các đơn hàng mới khiến nhu cầu nhập khẩu gỗ nguyên liệu suy giảm. Ngoài ra, đại dịch Covid-19 và biện pháp giãn cách xã hội khiến nhu cầu mua sắm nội ngoại thất⁶ suy giảm, hệ quả là nhập khẩu đồ gỗ nội ngoại thất từ Trung Quốc giảm mạnh tương ứng.

Về sản xuất trong nước, theo khảo sát của Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST), Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ thành phố Hồ Chí Minh (HAWA), Hiệp hội Chế biến gỗ Bình Dương (BIFA), Hiệp hội chế biến gỗ Bình Định (FPA Bình Định) và Forest Trends về tác động của dịch COVID-19, có 75%⁷ số doanh nghiệp cho biết mức thiệt hại ban đầu ước tính khoảng 3.066 tỉ đồng vì dịch COVID-19, phần lớn doanh nghiệp bị thu hẹp quy mô sản xuất, một số đóng cửa, 24% còn chưa xác định được thiệt hại và 1% số doanh nghiệp còn lại xác nhận doanh thu đã giảm 70%. Có 51% số doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết họ đã phải thu hẹp quy mô sản xuất do dịch.; 35% doanh nghiệp dù đang hoạt động bình thường nhưng phải tạm ngừng sản xuất trong thời gian tới, 7% đã ngừng hoạt động và chỉ có 7% doanh nghiệp vẫn hoạt động bình thường, tính đến thời điểm cuối tháng 3-2020. Toàn bộ hoạt động sản xuất của doanh nghiệp hiện tại là để đáp ứng các đơn hàng năm 2019. Sản xuất ngưng trệ khiến quy mô lao

⁵ Tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2019 của tháng 3 đạt 15,9%

⁶ Không phải sản phẩm thiết yếu

⁷ Trong 124 doanh nghiệp ngành gỗ tham gia khảo sát

động giảm nghiêm trọng. Ước khoảng 45% tổng số lao động trong các doanh nghiệp này đã mất việc do dịch COVID-19.

Để hỗ trợ các doanh nghiệp gỡ trước khó khăn gây ra bởi đại dịch Covid-19, Chính phủ đã đồng ký kéo dài 5 tháng đối với các doanh nghiệp chế biến gỗ nói riêng và các doanh nghiệp nói chung chậm nộp các loại thuế. Ngân hàng Nhà nước cũng đã triển khai gói tín dụng 285 nghìn tỷ đồng cho việc giãn, hoãn nợ cũ và đảm bảo các thủ tục thuận lợi đối với hỗ trợ cho vay có điều kiện, giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ doanh nghiệp.

Một số nhận định và dự báo: Trong các tháng tới và đặc biệt trong những tháng cuối năm, tình hình thị trường Mỹ, EU còn gặp nhiều khó khăn. Các doanh nghiệp cần chủ động chuẩn bị các phương án khôi phục sản xuất, tiết giảm chi phí, nối lại chuỗi cung ứng với khách hàng tại các thị trường truyền thống khi dịch bệnh tại các thị trường này cơ bản được kiểm soát.

MỘT SỐ QUY ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CẬP NHẬP

1. Nhật Bản

Ngày 10/4/2020, Cơ quan các vấn đề người tiêu dùng của Nhật (CAA) cùng với Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản (MAFF) và Bộ Y tế, Lao động và Phúc lợi (MHLW) đã thông báo tạm thời nói lỏng việc giám sát chặt chẽ các thông tin không quan trọng được ghi trên nhãn thực phẩm. Mục đích của việc này là nhằm đảm bảo đủ nguồn cung thực phẩm cho người tiêu dùng Nhật Bản trong điều kiện gián đoạn chuỗi cung ứng do dịch bệnh Covid-19. Thông tin không quan trọng bao gồm danh sách thành phần, xuất xứ và dinh dưỡng. CAA cũng yêu cầu nhà chế biến thực phẩm phải thông báo những thay đổi thông tin không quan trọng trên nhãn tại các cửa hàng bán lẻ, thông cáo báo chí, thông báo trên website và các phương tiện sẵn có khác. CAA sẽ tiếp tục giám sát chặt chẽ việc ghi nhãn các thông tin quan trọng liên quan đến sức khỏe người tiêu dùng, như ghi nhãn về thông tin gây dị ứng, ngày hết hạn và các yêu cầu về giữ nhiệt độ ẩm. CAA không cho biết biện pháp tạm thời này diễn ra trong bao lâu. Đồng thời, CAA nhấn mạnh họ sẽ có các biện pháp mạnh với những nhà chế biến thực phẩm lợi dụng biện pháp này, vi phạm các yêu cầu ghi nhãn thực phẩm để đánh lừa người tiêu dùng.

Ngày 17/4/2020, Cơ quan các vấn đề người tiêu dùng của Nhật Bản (CAA) đã khởi xướng lấy ý kiến cộng đồng về đề xuất sửa đổi Tiêu chuẩn dán nhãn thực phẩm (Pháp lệnh văn phòng nội các 2015). Hiện tại, Tiêu chuẩn dán nhãn thực phẩm đang có sự phân biệt giữa (1) Chất làm ngọt tự nhiên, chất làm ngọt nhân tạo và chất làm ngọt tổng hợp (2) Chất tạo màu tự nhiên và chất tạo màu tổng hợp (3) Chất bảo quản tự nhiên và chất bảo quản tổng hợp (4) Chất tạo hương vị tự nhiên và hương vị tổng hợp. CAA đã đề xuất bỏ từ “nhân tạo” và “tổng hợp” ra khỏi các yêu cầu về nhãn nhằm tránh người tiêu dùng hiểu lầm chất này an toàn hơn chất kia. Sau khi sửa đổi, tất cả các nhãn thực phẩm sẽ chỉ sử dụng các từ “chất làm ngọt”, “chất tạo màu”, “chất bảo quản” và “chất tạo hương vị”.

2. EU

Ngày 6/3/2020, Ủy ban Châu Âu đã ấn định thuế nhập khẩu gạo lúc ở mức 42.5 EUR/tấn (tương đương 46.5 USD) áp dụng với tất cả thành viên Liên minh từ ngày 9/3/2020 (Quy định 2020/383).

3. Liên minh Kinh tế Á Âu

Ngày 31/3/2020, Ủy ban Kinh tế Á-Âu đã thiết lập lệnh cấm xuất khẩu tạm thời cho đến ngày 30/6/2020 đối với các sản phẩm thực phẩm từ các quốc gia thuộc Liên minh Kinh tế Á-Âu, trong số đó có gạo. Lệnh cấm này sẽ bắt đầu sau 10 ngày kể từ ngày của thông báo này. Ngày 03/04/2020, Ủy ban Kinh tế Á-Âu đã ban hành Quyết định số 33 (EEC Council Decision No.33) tạm thời miễn giảm thuế nhập khẩu cho các loại thực phẩm quan trọng, trong đó có gạo, khoai tây, hành, tỏi... nhằm hạn chế tác động của dịch bệnh Covid-19. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 18/4/2020 áp dụng cho các sản phẩm nhập khẩu trong giai đoạn từ ngày 01/04 đến 30/6/2020./.